PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 149/2016/NĐ-CP *Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2016*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Điều 24 Luật phí và lệ phí về bình ổn giá; định giá của Nhà nước; hiệp thương giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; kê khai giá; niêm yết giá; thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá và cơ sở dữ liệu quốc gia về giá."

2. Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Các bộ, ngành có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định này để hướng dẫn chi tiết danh mục mặt hàng phù hợp với từng thời kỳ:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết danh mục mặt hàng quy định tại điểm đ, e, g, i, k khoản 1 Điều này;

b) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết danh mục mặt hàng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

c) Bộ Y tế chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết đối với mặt hàng quy định tại điểm l khoản 1 Điều này và chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn chi tiết danh mục mặt hàng quy định tại điểm h khoản 1 Điều này.”

3. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Lập quỹ bình ổn giá đối với hàng hóa quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này và chỉ được sử dụng quỹ để bình ổn giá cho hàng hóa, dịch vụ đó.

Trường hợp cần thay đổi, bổ sung mặt hàng được lập quỹ bình ổn giá, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan trình Chính phủ xem xét, quyết định.”

4. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 6. Đăng ký giá**

1. Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá bắt đầu từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đăng ký giá có hiệu lực và trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các trường hợp thực hiện đăng ký giá gồm:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện bán buôn thì đăng ký giá bán buôn;

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì đăng ký cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì đăng ký giá bán buôn và giá bán lẻ dự kiến;

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là nhà phân phối độc quyền thì đăng ký giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì đăng ký giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện đăng ký giá bán lẻ;

đ) Việc đăng ký giá bán đối với mặt hàng muối ăn, thóc, gạo tẻ thường do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mặt hàng muối ăn, thóc, gạo tẻ thường (không bao gồm nông dân và diêm dân) thực hiện. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mua trực tiếp muối ăn của diêm dân; thóc, gạo tẻ thường của nông dân thì phải đăng ký giá mua muối ăn của diêm dân; giá mua thóc, gạo tẻ thường của nông dân.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá:

a) Ở Trung ương:

- Bộ Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 3 Nghị định này. Trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính sao gửi Biểu mẫu đăng ký giá đến Bộ Công Thương hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp rà soát;

- Bộ Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

- Bộ Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

b) Ở địa phương:

- Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

- Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

- Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này trên địa bàn huyện. Các Sở quản lý ngành có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, rà soát.

3. Bộ Tài chính quy định thống nhất Biểu mẫu đăng ký giá và quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá. Các bộ, ngành có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thông báo danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá ở trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá ở địa phương, trong đó không bao gồm tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thuộc danh sách đăng ký giá ở trung ương. Đối với mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu quy định tại điểm l khoản 1 Điều 3 Nghị định này, việc đăng ký giá thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với từng mặt hàng tối đa không quá 06 tháng.

5. Hàng hóa, dịch vụ khác mà pháp luật chuyên ngành có quy định về đăng ký giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.”

5. Điểm d khoản 2, khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có trách nhiệm tham mưu đề xuất trình Chính phủ quyết định và hướng dẫn, tổ chức thực hiện đối với các biện pháp bình ổn giá dưới đây:

d) Đăng ký giá; định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu, khung giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá trừ các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h, l khoản 1 Điều 3 Nghị định này;"

"3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có trách nhiệm tham mưu đề xuất trình Chính phủ quyết định và hướng dẫn, tổ chức thực hiện đối với các biện pháp bình ổn giá dưới đây:

a) Điều hòa cung cầu hàng hóa sản xuất trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hóa giữa các vùng, các địa phương trong nước thông qua việc tổ chức lưu thông hàng hóa; mua vào hoặc bán ra hàng dự trữ lưu thông thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Kiểm soát hàng hóa tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành."

"4. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có trách nhiệm tham mưu đề xuất trình Chính phủ quyết định và hướng dẫn, tổ chức thực hiện bình ổn giá đối với mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu quy định tại điểm l khoản 1 Điều 3 Nghị định này bằng các biện pháp bình ổn giá dưới đây:

c) Đăng ký giá; định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu, khung giá."

6. Bổ sung khoản 3a Điều 7 như sau:

"3a. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có trách nhiệm tham mưu đề xuất trình Chính phủ quyết định và hướng dẫn, tổ chức thực hiện đối với các biện pháp bình ổn giá dưới đây:

a) Điều hòa cung cầu hàng hóa sản xuất trong nước và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; hàng hóa giữa các vùng, các địa phương trong nước thông qua việc tổ chức lưu thông hàng hóa; mua vào hoặc bán ra hàng dự trữ lưu thông thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm soát hàng hóa tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Đăng ký giá; định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu, khung giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 Nghị định này."

7. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 8. Thẩm quyền và trách nhiệm định giá**

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ định giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 22 Luật giá và giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Bộ trưởng các bộ định giá đối với hàng hóa, dịch vụ như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định:

- Giá cụ thể đối với: Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải (bao gồm dịch vụ đăng kiểm phương tiện thiết bị giao thông vận tải và các công trình khai thác, vận chuyển dầu khí biển);

- Khung giá đối với: Nước sạch sinh hoạt; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật, thực vật; dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y;

- Giá tối đa đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập;

- Giá mua tối đa, giá bán tối thiểu hàng dự trữ quốc gia (trừ hàng dự trữ quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh); định mức chi phí nhập, chi phí xuất tại cửa kho dự trữ quốc gia và chi phí xuất tối đa ngoài cửa kho, chi phí bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

- Giá mua tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách trung ương (trừ sản phẩm, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của các bộ, ngành khác và của Ủy ban nhân dân tỉnh) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, giao kế hoạch, giao nhiệm vụ;

- Giá mua tối đa hàng hóa, dịch vụ được Thủ tướng Chính phủ đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách trung ương;

- Giá bán tối thiểu đối với sản phẩm thuốc lá điếu tiêu thụ trong nước;

- Giá tối đa hoặc giá tối thiểu đối với giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;

- Khung giá, giá tối đa hoặc giá cụ thể đối với dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán bao gồm: Dịch vụ liên quan đến hoạt động niêm yết, giao dịch, cung cấp thông tin, đấu giá, đấu thầu chứng khoán; dịch vụ liên quan đến hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; dịch vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán, giám sát tài sản, đại diện người sở hữu trái phiếu, thanh toán bù trừ tiền giao dịch chứng khoán.

b) Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định:

- Giá cụ thể đối với: Giá truyền tải điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện;

- Khung giá đối với: Giá phát điện, giá bán buôn điện;

- Giá tối thiểu đối với: Dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp.

c) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định:

- Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Trung ương quản lý;

- Khung giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

d) Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định: Giá sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông bao gồm cả dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích theo quy định của pháp luật về bưu chính, viễn thông.

đ) Bộ trưởng Bộ Y tế quy định:

- Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và bảo hiểm y tế;

- Giá cụ thể đối với: Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập sử dụng ngân sách nhà nước; dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, thuốc dùng cho người sử dụng ngân sách nhà nước.

e) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định:

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia, đường bộ, đường thủy nội địa thực hiện theo phương thức Nhà nước đặt hàng hoặc giao kế hoạch sử dụng nguồn ngân sách trung ương;

- Giá cụ thể đối với các dịch vụ hàng không bao gồm: Giá dịch vụ cất cánh, hạ cánh; giá dịch vụ điều hành bay đi, đến; giá dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay; giá phục vụ hành khách; giá bảo đảm an ninh hàng không và giá dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý;

- Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ gồm đường quốc lộ, đường cao tốc các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà thuộc tuyến quốc lộ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do Trung ương quản lý;

- Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà thuộc tuyến quốc lộ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do trung ương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do trung ương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do trung ương quản lý; dịch vụ hoa tiêu, dẫn đường (trừ dịch vụ hoa tiêu, dẫn đường công ích sử dụng ngân sách trung ương do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch).

g) Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định: Giá tối thiểu đối với dịch vụ kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

h) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định:

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích phục vụ quốc phòng do các doanh nghiệp, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng sản xuất, cung ứng theo đặt hàng, giao kế hoạch, chỉ định thầu được thanh toán bằng nguồn ngân sách nhà nước;

- Giá hàng hóa, dịch vụ quốc phòng do Bộ Quốc phòng đặt hàng tại các doanh nghiệp theo kế hoạch của Chính phủ thanh toán bằng ngân sách nhà nước; giá hàng dự trữ quốc gia về quốc phòng.

i) Bộ trưởng Bộ Công an quy định:

- Giá hàng hóa, dịch vụ phục vụ an ninh chính trị, trật tự xã hội do các doanh nghiệp an ninh thuộc Bộ Công an sản xuất, cung ứng theo đặt hàng, giao kế hoạch, chỉ định thầu của Bộ được thanh toán bằng nguồn ngân sách nhà nước;

- Giá hàng dự trữ quốc gia về an ninh chính trị, trật tự xã hội.

k) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định: Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ;

l) Bộ trưởng các bộ quy định giá cụ thể đối với hàng dự trữ quốc gia, sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công, hàng hóa, dịch vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, giao kế hoạch, giao nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ mà Bộ Tài chính quy định giá mua tối đa, giá bán tối thiểu; định giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở; định giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của luật chuyên ngành.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật đối với: Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế) và gửi quyết định giá về Bộ Y tế, Bộ Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước; dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí).

4. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá các loại đất;

b) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;

c) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;

d) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

đ) Giá nước sạch sinh hoạt;

e) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

g) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

h) Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

i) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

k) Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

l) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;

m) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thực hiện quy định giá cụ thể hàng hóa, dịch vụ mà Nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

6. Trường hợp có sự thay đổi thẩm quyền định giá quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này, Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định.”

8. Điểm c, điểm d khoản 1 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Trình và thẩm định phương án giá

c) Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của các bộ, do Bộ trưởng các bộ quy định việc trình và thẩm định phương án giá; quyết định giá sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính và gửi quyết định giá đến Bộ Tài chính để theo dõi giám sát. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu thì các bộ quyết định giá cụ thể theo thẩm quyền, đồng thời gửi đến Bộ Tài chính để theo dõi giám sát;

Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, do Bộ trưởng các bộ này quy định việc trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá đồng thời gửi đến Bộ Tài chính để theo dõi, giám sát; đối với hàng dự trữ quốc gia, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia về quốc phòng, an ninh sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính về nguyên tắc định giá;

d) Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định việc trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá. Trường hợp sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh trình phương án giá để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thì phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính; trường hợp thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai."

9. Khoản 1 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Nghị định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;

b) Xi măng, thép xây dựng;

c) Than;

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

e) Dịch vụ tại cảng biển;

g) Dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

h) Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm;

i) Sách giáo khoa;

k) Dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

l) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

m) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;

n) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;

o) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);

p) Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt;

q) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.”

10. Khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá thực hiện kê khai giá bằng việc gửi thông báo mức giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi định giá, điều chỉnh giá. Trường hợp kê khai giảm giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện giảm giá ngay, đồng thời gửi văn bản kê khai giá để thông báo mức giảm giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các trường hợp thực hiện kê khai giá gồm:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện bán buôn thì kê khai giá bán buôn;

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì kê khai cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn và giá bán lẻ dự kiến (nếu có);

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; là tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; là đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện kê khai giá bán lẻ.”

“2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá:

a) Ở Trung ương:

- Bộ Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, h, i, o khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

- Bộ Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

- Bộ Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm g, k, p khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

- Bộ Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

b) Ở địa phương:

- Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, h, i, o khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

- Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm g, k, m khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

- Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o khoản 1 Điều 15 Nghị định này trên địa bàn huyện. Sở Tài chính và các sở quản lý ngành có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về hàng hóa, dịch vụ kê khai giá phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận.

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.”

“4. Bộ Tài chính quy định mẫu và hướng dẫn tiếp nhận văn bản kê khai giá. Các bộ, ngành có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thông báo danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện kê khai giá ở Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện kê khai giá ở địa phương, trong đó không bao gồm tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thuộc danh sách kê khai giá ở Trung ương. Đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước, việc kê khai giá thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.”

11. Mục 2 Chương IV được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Mục 2
CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ GIÁ

Điều 24. Đối tượng xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

Cơ quan quản lý nhà nước về giá ở trung ương bao gồm Bộ Tài chính và bộ quản lý ngành, lĩnh vực; ở địa phương là Sở Tài chính các tỉnh có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương.

Bộ Tài chính chịu trách nhiệm xây dựng trung tâm cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. Trung tâm cơ sở dữ liệu quốc gia về giá là đầu mối kết nối các hệ thống cơ sở dữ liệu về giá của các bộ, ngành và địa phương; cung cấp thông tin về giá phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Nội dung, nguồn thông tin, trách nhiệm và kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

1. Nội dung cơ sở dữ liệu quốc gia về giá bao gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá, kê khai giá;

c) Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định của Bộ Tài chính;

d) Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ cần thiết khác phục vụ công tác dự báo và quản lý nhà nước về giá;

đ) Các thông tin liên quan đến lĩnh vực thẩm định giá: Doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá, thi và quản lý cấp thẻ thẩm định viên về giá, thông tin về giá trị các tài sản được thẩm định và các thông tin khác theo quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá;

e) Văn bản quản lý nhà nước về giá và các báo cáo tổng hợp;

g) Các thông tin khác phục vụ công tác quản lý giá theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá bao gồm:

a) Thông tin do cơ quan quản lý nhà nước về giá tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập và do các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp;

b) Thông tin do cơ quan quản lý nhà nước về giá mua từ các đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin;

c) Thông tin do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung cấp theo quy định tại khoản 7 Điều 12 của Luật giá và các trường hợp phục vụ yêu cầu quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực giá theo quy định.

3. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

a) Bộ Tài chính có trách nhiệm:

- Xây dựng, khai thác và quản lý vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đảm bảo tính tương thích và kết nối được với các hệ thống cơ sở dữ liệu về giá của các bộ ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân khác;

- Hướng dẫn việc thu thập, cập nhật, cung cấp thông tin về giá và thẩm định giá phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ bảo mật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và đơn vị liên quan kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

- Chủ trì hướng dẫn cụ thể về xây dựng, khai thác, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

b) Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm:

- Xây dựng, khai thác và quản lý vận hành cơ sở dữ liệu về giá thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách;

- Phối hợp với Bộ Tài chính kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin thuộc cơ sở dữ liệu về giá trong phạm vi quản lý của bộ quản lý ngành, lĩnh vực vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng, khai thác và quản lý vận hành cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; phối hợp với đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá để kết nối, chia sẻ thông tin từ cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

4. Kinh phí bảo đảm cho việc xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

a) Kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì, nâng cấp, quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá tại Bộ Tài chính; cơ sở dữ liệu về giá tại các bộ quản lý ngành, lĩnh vực; các Sở Tài chính địa phương được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

b) Hàng năm, cơ quan xây dựng cơ sở dữ liệu về giá, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá tại Điều 24 Nghị định này có trách nhiệm lập dự toán ngân sách phục vụ cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Kinh phí được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật.

5. Bộ Tài chính quy định cụ thể về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 3, điểm e khoản 2 Điều 7 của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Nghị định

1. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

3. Các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định này có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn các đơn vị lập, trình phương án giá đối với các dịch vụ chuyển từ phí sang cơ chế giá do Nhà nước định giá được quy định tại Điều 24 của Luật phí và lệ phí, thuộc thẩm quyền định giá của các bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh; trình tự trình và thẩm định phương án giá theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và khoản 8 Điều 1 của Nghị định này và đảm bảo các quy định về giá được ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm quy định các trường hợp miễn, giảm giá (nếu có) đối với dịch vụ sử dụng đường bộ các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh, dịch vụ sử dụng đò, phà áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

4. Trường hợp phát sinh các nội dung quy định về thẩm quyền, hình thức định giá đối với các sản phẩm, dịch vụ chuyển từ phí sang cơ chế giá do Nhà nước định giá theo quy định của Luật phí và lệ phí chưa được quy định tại Nghị định này, Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc